

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI/GIÁ TRỊ GIẢI ƯỚC/ ĐỀ NGHỊ RÚT MỘT PHẦN TỪ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Kính gửi: BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Bên mua bảo hiểm:

Điện thoại:Email:

CMND/Hộ chiếu/CCCD/Căn cước:Cấp ngày:...../...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Nếu có thay đổi so với thông tin đã đăng ký, đề nghị Bảo Việt Nhân thọ sử dụng thông tin nêu trên để thay thế.

Tôi đề nghị:

☐ **Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại/Giá trị giải ước:** Số tiền:đồng
(Bằng chữ.....)

Tôi, Bên mua bảo hiểm đã được giải thích và hiểu rõ các quy định về tạm ứng từ Giá trị hoàn lại/Giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (được nêu tại mặt sau giấy đề nghị này). Tôi đồng ý và cam kết tuân thủ đúng và đầy đủ mọi quy định này cũng như các quy định liên quan của pháp luật (nếu có).

☐ **Rút một phần từ Giá trị tài khoản:** Số tiền:đồng
(Bằng chữ.....)

Tôi, Bên mua bảo hiểm đã được tư vấn về việc Số tiền bảo hiểm của (các) Sản phẩm/ Quyền lợi bảo hiểm có thể sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng sau khi rút một phần từ Giá trị tài khoản hợp đồng.

Đề nghị hình thức nhận tiền:

☐ Nhận tiền mặt tại Bảo Việt Nhân thọ.

☐ Nhận tiền mặt tại Ngân hàng: Chi nhánh

☐ Chuyển khoản: Chủ tài khoản:

Số tài khoản:

Ngân hàng: Chi nhánh.....

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Bên mua bảo hiểm

(ký, ghi rõ họ tên)

.....

PHẦN DÀNH RIÊNG CHO BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Hồ sơ kèm theo/Lưu ý:

.....
.....
.....
.....
.....

Tiếp nhận hồ sơ ngày/...../.....

☐ Xác nhận tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ BMBH tại văn phòng Công ty

☐ Xác nhận đã kiểm tra nhân thân và chữ ký của BMBH

Cán bộ tiếp nhận

(ký, ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ PLO5/2021 - QUY CHẾ TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI/GIÁ TRỊ GIẢI ƯỚC CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Kèm theo Quyết định số 264/QĐ-BVNT ngày 31/03/2021 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Quy chế này cụ thể hoá các quy định về “Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại/Giá trị giải ước (GTHL/GTGU)” hay còn gọi là “Vay theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ” (sau đây quy định chung là “Tạm ứng từ GTHL/GTGU”). Khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU được quy định trong Quy tắc, điều khoản của sản phẩm hoặc được giao kết riêng giữa Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) và Bên mua bảo hiểm (BMBH). Nếu Quy tắc, điều khoản sản phẩm không có quy định về tạm ứng từ GTHL/GTGU, BMBH vẫn có thể được tạm ứng từ GTHL/GTGU trừ trường hợp việc cung cấp khoản tạm ứng có ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính của BVNT. Các quy định dưới đây sẽ được BVNT điều chỉnh theo từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật và Quy tắc, điều khoản sản phẩm. Quy chế này áp dụng cho sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung (LKC) và Bảo hiểm nhân thọ truyền thống.

1. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC TẠM ỨNG

Bên mua bảo hiểm có thể sử dụng Hợp đồng (HĐ) đang có hiệu lực để tạm ứng từ GTHL/GTGU nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- 1.1. Người yêu cầu tạm ứng là Bên mua bảo hiểm;
- 1.2. HĐ có GTHL/GTGU và có hiệu lực từ đủ 24 tháng trở lên (với các HĐ không phải là HĐ liên kết chung);
- 1.3. HĐ có GTHL/GTGU (với các HĐ liên kết chung).
- 1.4. HĐ không có khoản tạm ứng quyền lợi bảo hiểm.

Điều kiện cho mỗi lần tạm ứng từ GTHL/GTGU tiếp theo áp dụng theo các quy định của BVNT tại thời điểm phát sinh khoản tạm ứng thêm.

2. SỐ TIỀN ĐƯỢC TẠM ỨNG

2.1. Số tiền tạm ứng tối đa

Số tiền tối đa mà BMBH có thể tạm ứng theo một HĐ tại mỗi thời điểm tạm ứng được xác định như sau:

$$HMTĐ = 80\% * (GTHL/GTGU + P + L + R + T) - OP - AL - PL$$

Trong đó:

HMTĐ: Số tiền tạm ứng từ GTHL/GTGU tối đa.

GTHL/GTGU: GTHL/GTGU của HĐ chính và các Sản phẩm/Điều khoản riêng (nếu có) tại thời điểm tạm ứng.

P: Quyền lợi định kỳ của HĐ (nếu có và chưa được tính vào GTHL/GTGU của HĐ) và lãi lũy tích tính đến thời điểm xét tạm ứng.

L: GTHL/GTGU của Quyền lợi duy trì hợp đồng của HĐ (nếu có và chưa được tính vào GTHL/GTGU của HĐ) tính đến thời điểm xét tạm ứng.

R: GTHL/GTGU của Quyền lợi bảo tức của HĐ (nếu có và chưa được tính vào GTHL/GTGU của HĐ) tính đến 31/12 của năm tài chính trước.

T: GTHL/GTGU của Quyền lợi lãi chia cuối Hợp đồng của HĐ (nếu có và chưa được tính vào GTHL/GTGU của HĐ) tính đến thời điểm xét tạm ứng.

OP: Phí bảo hiểm nợ (nếu có đối với HĐ không phải là HĐ liên kết chung).

AL: Dư nợ tự động tạm ứng từ GTHL/GTGU để đóng phí (gồm gốc và lãi phát sinh) xác định tại thời điểm tạm ứng (nếu có đối với HĐ không phải là HĐ LKC).

PL: Dư nợ tạm ứng từ GTHL/GTGU (gồm gốc và lãi phát sinh) xác định tại thời điểm tạm ứng (nếu có).

2.2. Số tiền tạm ứng tối thiểu: do BVNT quy định.

3. LÃI SUẤT TẠM ỨNG

Lãi suất cho khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU do BVNT xác định và thay đổi tùy theo từng thời kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật, được công bố công khai tại trụ sở của BVNT và/hoặc trên website của BVNT.

4. CÁCH TÍNH LÃI TẠM ỨNG

- Lãi tạm ứng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi tạm ứng} = \text{Tổng dư nợ tạm ứng từ GTHL/GTGU gần nhất} * (1 + \text{Lãi suất tạm ứng từ GTHL/GTGU theo năm})^{\wedge} (\text{Số ngày tạm ứng thực tế} / 365) - \text{Tổng dư nợ tạm ứng từ GTHL/GTGU gần nhất}.$$

- Lãi tạm ứng từ GTHL/GTGU được gộp vào số tiền tạm ứng từ GTHL/GTGU hiện tại để xác định tổng dư nợ tạm ứng từ GTHL/GTGU mới tại thời điểm hoặc khi xảy ra các sự kiện sau:

- Tại ngày cuối cùng của mỗi tháng dương lịch; hoặc
- Tại ngày BMBH tạm ứng thêm từ GTHL/GTGU; hoặc
- Tại ngày BMBH hoàn trả một phần hoặc toàn bộ khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU; hoặc
- Tại ngày HĐ đáo hạn hoặc chấm dứt hiệu lực; hoặc
- Tại ngày khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU được thu hồi một phần hoặc toàn bộ khi BVNT giải quyết quyền lợi bảo hiểm; khi chi trả các khoản như lãi chia, quyền lợi định kỳ, Niên kim, bảo tức..., khi giải quyết thay đổi điều kiện HĐ theo quy định của BVNT.

- Số ngày tạm ứng thực tế: được tính theo số ngày dương lịch thực tế từ ngày xác định tổng dư nợ tạm ứng gần nhất đến ngày liền trước ngày xảy ra các sự kiện sau:

- Ngày xác định tổng dư nợ tạm ứng mới; hoặc
- Ngày thu hồi/hoàn trả toàn bộ khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU; hoặc
- Ngày HĐ chấm dứt hiệu lực.

5. THỦ TỤC TẠM ỨNG

5.1. BMBH phải trực tiếp thực hiện các thủ tục tạm ứng tại trụ sở của BVNT. Khi làm thủ tục tạm ứng, BMBH cần xuất trình Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/The căn cước công dân còn hiệu lực theo quy định của pháp luật và Hợp đồng bảo hiểm gốc.

5.2. BMBH hoàn tất “Đề nghị tạm ứng từ GTHL/GTGU” theo mẫu quy định và chuyển cho BVNT.

5.3. Căn cứ vào “Đề nghị tạm ứng từ GTHL/GTGU” và tình trạng HĐ, BVNT xác định và thông báo bằng văn bản cho BMBH số tiền được tạm ứng và lãi suất tạm ứng.

6. HOÀN TRẢ KHOẢN TẠM ỨNG (số tiền tạm ứng và lãi phát sinh)

6.1. Khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU có thể được hoàn trả trực tiếp tại trụ sở của BVNT hoặc bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

6.2. BMBH có thể hoàn trả một phần hoặc toàn bộ khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU phù hợp với quy định của BVNT.

7. THU HỒI KHOẢN TẠM ỨNG (số tiền tạm ứng và lãi phát sinh)

7.1. BVNT có quyền thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tạm ứng từ GTHL/GTGU trong các trường hợp sau: khi thanh toán bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào; khi thay đổi điều kiện HĐ; khi hủy bỏ hay chấm dứt hiệu lực HĐ; các trường hợp khác theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm.

7.2. HĐ sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Tổng giá trị các khoản tạm ứng (bao gồm cả tạm ứng từ GTHL/GTGU, tạm ứng từ GTHL/GTGU để đóng phí và lãi phát sinh) vượt quá Tổng giá trị hợp đồng (*). Trong trường hợp này, BVNT sẽ thu hồi toàn bộ Tổng giá trị hợp đồng để đối trừ cho các khoản tạm ứng và các khoản cần thu hồi khác. Mọi sự kiện được bảo hiểm xảy ra kể từ ngày HĐ bảo hiểm chấm dứt hiệu lực không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của BVNT.

(*) Tổng giá trị hợp đồng của sản phẩm truyền thống = GTHL/GTGU + Lãi chia lũy tích (nếu lãi chia lũy tích không được tính vào GTHL/GTGU) + các quyền lợi lũy tích (nếu quyền lợi lũy tích không được tính vào GTHL/GTGU) + Phí bảo hiểm thừa – Khoản nợ (nếu có).

Tổng giá trị hợp đồng của sản phẩm LKC = GTHL/GTGU – Khoản nợ (nếu có).

